

VN-Index tăng nhẹ trong phiên giao dịch cuối cùng của tháng 8

Ngày báo cáo

29/08/2025

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng nhẹ trong phiên giao dịch cuối cùng của tháng 8

VN-Index duy trì sắc xanh trong phần lớn phiên giao dịch cuối cùng của tháng 8, nhưng chốt phiên với mức tăng nhẹ 0,08%, khi áp lực bán xuất hiện gần ngưỡng kháng cự 1.690. Sàn HOSE ghi nhận 172 mã tăng, 149 mã giảm và 58 mã đi ngang. Thanh khoản đạt 44,9 nghìn tỷ đồng. Nhìn chung, chỉ số đã tăng 2,2% trong tuần và tăng 12% trong tháng.

- Nhóm ngân hàng duy trì đà tăng với sắc xanh của VPB (+2,9%), MBB (+2,0%), HDB (+2,9%) và BID (+0,8%), trong khi VCB (-0,6%), CTG (-0,6%) và SSB (-0,5%) giảm điểm.
- Các cổ phiếu chứng khoán diễn biến tích cực nhờ đà tăng từ VND (6,9%), VCI (+4,3%), HCM (+3,2%) và DSE (+7,0%).
- Nhóm vật liệu cũng hỗ trợ chỉ số với HPG (+1,5%), DCM (+1,4%), HRC (+4,9%) và TNC (+6,8%) ghi nhận mức tăng. Tuy nhiên, GVR (-0,5%), DGC (-1,5%) và PHR (-0,9%) là các mã giảm điểm đáng chú ý.
- Các cổ phiếu bất động sản có diễn biến kém khả quan khi VIC (-1,4%), BCM (-1,5%), VRE (-1,0%) và KBC (-1,6%) giảm điểm. Tuy nhiên, KDH (+1,7%), SJS (+1,1%), NVL (+0,6%) và PDR (+0,6%) khả quan hơn các mã khác trong ngành.
- Các mã giảm điểm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm công nghệ như FPT (-2,8%), CMG (-1,5%), ELC (-1,6%) và SGT (-0,5%); công nghiệp như GEX (-2,3%), VGC (-2,7%), VSC (-3,7%) và CII (-2,6%); tiện ích GAS (-1,7%), HNA (-3,8%), REE (-0,6%) và GEG (-1,3%); và dầu khí BSR (-2,4%), PVD (-0,9%) và PLX (-0,1%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1682,2	280,0	111,0
% Δ	0,1%	1,2%	0,3%
- % Δ 1 tuần	2,2%	2,8%	1,6%
- % YTD	32,8%	23,1%	16,8%
- % YOY	31,3%	17,7%	18,3%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.710,9	\$122,2	\$42,0
- TB 1 tháng (triệu)	\$1.862,8	\$144,6	\$54,7
- TB 1 năm (triệu)	\$830,7	\$57,1	\$33,6
- TB QTD	\$1.595,7	\$125,8	\$51,4
- % TB QTD/TB quý gần nhất	89,9%	131,9%	61,8%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$115,6	\$6,6	\$1,0
- Bán (triệu)	\$253,1	\$4,3	\$1,1
- GT ròng (triệu)	-\$137,5	\$2,3	\$0,0
Độ rộng TT			
Mã tăng	185	87	238
Mã giảm	151	72	179
Không đổi	78	148	508
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	277,6	15,9	55,8
P/E trượt 12T	15,3	25,0	15,7
LS cổ tức*	2,7%	3,3%	4,6%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL	GTGD
		mở cửa	(tr USD)
VN30F2509	1.861,0	48.484	1666,0
4111FA000	1.860,4	1.109	5,6
VN30F2512	1.842,8	630	0,8
41IG3000	1.837,4	195	0,4
USD/VND		26.356	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin

- FPT ký hợp đồng dịch vụ chuyển đổi số trị giá 100 triệu USD với khách hàng Mỹ
- Tài liệu ĐHCĐ bất thường của HDC: Đề xuất phát hành cổ phiếu thưởng 12% thay cho phương án cổ tức bằng cổ phiếu đã được ĐHCĐ thường niên 2025 thông qua
- TV2: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2025 kiểm toán tăng 64% nhờ điều chỉnh hạch toán lợi nhuận từ công ty liên kết

Báo cáo trong ngày

- DXG: Mở bán dự án The Privé thúc đẩy doanh số bán hàng năm 2025/26 và lợi nhuận năm 2027
- DXS: Giao dịch môi giới bất động sản cải thiện, biên lợi nhuận hồi phục thúc đẩy tăng trưởng - Cập nhật
- VIC, VHM, VRE: Kế hoạch mở bán các dự án BĐS mới, hoạt động bàn giao xe điện tích cực; Chủ tịch HĐQT duy trì các khoản hỗ trợ tài chính; nghiên cứu thêm các mảng kinh doanh mới - Cập nhật
- TDC: Lợi nhuận trên đà phục hồi - Cập nhật

Quan điểm kỹ thuật

Trong phiên tiếp theo, chúng tôi duy trì ba kịch bản ở chỉ số VN-Index. Kịch bản Tích cực (xác suất 35%) với khả năng vượt vùng đỉnh 1.695 điểm, tiếp cận 1.720 (+/-5) điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm vốn hóa lớn. Kịch bản Trung tính với xác suất 55%, VN-Index dao động trong biên độ 1.660-1.690 (+/- 5) điểm với sự điều tiết của nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ giúp đối trọng hoạt động giảm điểm ở các ngành khác. Kịch bản Tiêu cực với khả năng điều chỉnh giảm trên hoạt động bán cao, vi phạm vùng 1.625 điểm (MA20) có xác suất 10%.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin

FPT ký hợp đồng dịch vụ chuyển đổi số trị giá 100 triệu USD với khách hàng Mỹ

* CTCP FPT (FPT) đã ký hợp đồng trị giá 100 triệu USD trong vòng 3 năm với một doanh nghiệp Mỹ, theo đó FPT sẽ cung cấp dịch vụ chuyển đổi số cho khách hàng này tại Bắc Mỹ, châu Âu và Nhật Bản. Hợp đồng bao gồm giải pháp chuyển đổi số toàn diện cho ngành ngân hàng, dịch vụ tài chính, bảo hiểm (BFSI) và bán lẻ, cùng với kế hoạch mở rộng sang ngành sản xuất, y tế, logistics và năng lượng. Các dịch vụ cung cấp bao gồm quản lý ứng dụng và hạ tầng, chuyển đổi hệ thống lên nền tảng đám mây và tư vấn CNTT, được tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu nhằm nâng cao hiệu suất, khả năng mở rộng và tối ưu chi phí.

* **Quan điểm của chúng tôi:** Hợp đồng này củng cố kỳ vọng của chúng tôi rằng khối lượng hợp đồng ký mới sẽ hồi phục trong nửa cuối năm 2025, tạo tiền đề cho doanh thu báo cáo của mảng CNTT nước ngoài phục hồi kể từ năm 2026. Chúng tôi dự báo doanh thu mảng CNTT nước ngoài tăng trưởng 18% YoY trong năm 2026 (so với 14% trong năm 2025). Hợp đồng này cũng phù hợp với chiến lược mở rộng mảng CNTT nước ngoài của FPT.

* Chúng tôi hiện có giá mục tiêu cho FPT là 121.200 đồng/cổ phiếu.

Tài liệu ĐHCĐ bất thường của HDC: Đề xuất phát hành cổ phiếu thưởng 12% thay cho phương án cổ tức bằng cổ phiếu đã được ĐHCĐ thường niên 2025 thông qua

CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HDC) công bố các tờ trình sẽ được trình lên cổ đông để thông qua tại ĐHCĐ bất thường của công ty vào ngày 30/09.

- * Phát hành cổ phiếu thưởng: Đề xuất phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 12% trên số cổ phiếu đang lưu hành (tương đương 21,4 triệu cổ phiếu), nguồn vốn lấy từ thặng dư vốn và quỹ đầu tư phát triển. Thời gian thực hiện: tùy thuộc vào sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.
- * Hủy kế hoạch chia cổ tức năm tài chính 2024: Đề xuất hủy kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu 12% (tương đương 21,4 triệu cổ phiếu) đã được ĐHCĐ thường niên tháng 5/2025 phê duyệt, do LNST chưa phân phối tính đến cuối năm 2024 trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 (128,67 tỷ đồng trong báo cáo tài chính riêng và 66,9 tỷ đồng trong báo cáo tài chính hợp nhất) không đủ để thực hiện kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu ban đầu.
- * Điều chỉnh kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được phê duyệt tại ĐHCĐ thường niên tháng 5/2025: Đề xuất hủy hoàn nhập từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận chưa phân phối để chia cổ tức, do các quy định yêu cầu việc chia cổ tức phải dựa trên lợi nhuận chưa phân phối tính đến cuối năm 2024 trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.

TV2: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2025 kiểm toán tăng 64% nhờ điều chỉnh hạch toán lợi nhuận từ công ty liên kết

- * CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2) đã điều chỉnh tăng LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2025 thêm 12,8 tỷ đồng, lên 32,6 tỷ đồng (+64% so với BCTC trước kiểm toán; -4% YoY) và hoàn thành 41% dự báo cả năm của chúng tôi (so với chỉ 25% ở BCTC trước kiểm toán), chủ yếu nhờ điều chỉnh cách ghi nhận lợi nhuận từ công ty liên kết.
- * Kể từ quý 2/2025, TV2 thay đổi phương pháp hạch toán đầu tư vào công ty liên kết, từ phương pháp giá gốc sang phương pháp vốn chủ sở hữu. Trong BCTC trước kiểm toán, kết quả 6T 2025 phản ánh sự kết hợp giữa Q1 (phương pháp giá gốc) và Q2 (phương pháp vốn chủ sở hữu). Tuy nhiên, BCTC kiểm toán đã được điều chỉnh lại theo giả định rằng phương pháp vốn chủ sở hữu được áp dụng ngay từ thời điểm bắt đầu đầu tư vào công ty liên kết, do đó phản ánh nhất quán cả hai quý theo phương pháp này.
- * Chúng tôi nhận thấy rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2025 (79 tỷ đồng, +20% YoY), do lợi nhuận gộp thấp hơn kỳ vọng có thể ảnh hưởng nhiều hơn so với tác động tích cực từ lợi nhuận từ công ty liên kết cao hơn kỳ vọng.
- * Hiện tại, chúng tôi đưa ra giá mục tiêu cho cổ phiếu TV2 là 43.900 đồng/cổ phiếu.

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

DXG: Mở bán dự án The Privé thúc đẩy doanh số bán hàng năm 2025/26 và lợi nhuận năm 2027 - Cập nhật

Ngành		BDS		2024	2025E	2026E	2027E
Ngày báo cáo	29/08/2025	TT Doanh thu		28,7%	-10,8%	32,3%	111,6%
Giá hiện tại	22.800 VND	TT EPS		23,0%	-12,6%	75,4%	255,9%
Giá mục tiêu	26.000 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)		256	274	475	1.682
Giá mục tiêu gần nhất	18.600 VND	Biên LN gộp		48,1%	54,5%	53,6%	59,8%
TL tăng	+14,0%	Biên LN ròng		5,3%	6,4%	8,4%	14,1%
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/E		79,3x	90,8x	51,7x	14,5x
Tổng mức sinh lời	+14,0%	P/B		1,8x	1,9x	1,8x	1,6x
GT vốn hóa	23,2 nghìn tỷ đồng				DXG	Peers	VNI
Room KN	5,5 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)			65,7x	50,1x	15,5x
GTGD/ngày (30n)	663 tỷ đồng	P/B (hiện tại)			1,9x	2,0x	2,1x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE			2,8%	4,6%	13,3%
SL cổ phiếu lưu hành	1,0 tỷ	ROA			1,1%	2,3%	2,0%
Pha loãng	1,0 tỷ						

- * Chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN cho CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG) và điều chỉnh tăng 40% giá mục tiêu lên 26.000 đồng/CP, chủ yếu nhờ (1) định giá cho dự án The Privé tăng nhờ doanh số bán hàng cao hơn (giá ròng cao hơn và tiến độ bán hàng nhanh hơn), và (2) điều chỉnh tăng định giá cho mảng môi giới (chi tiết tại Báo cáo Cập nhật ngày 29/08/2025 của DXS), một phần bị ảnh hưởng bởi (3) việc hoãn lịch mở bán dự án Gem Sky World (GSW) sang năm 2026 (so với dự báo trước đây là năm 2025).
- * Chúng tôi duy trì dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2025 của chúng tôi. Chúng tôi điều chỉnh tăng lần lượt +10%/+86% đối với dự báo cho năm 2026/27, phản ánh chi phí lãi vay ròng giảm (được hỗ trợ bởi dòng tiền bán hàng mạnh hơn) và lượng bàn giao tại dự án The Privé cao hơn kể từ năm 2027.
- * Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2025 đạt 274 tỷ đồng (+7% YoY) và năm 2026 đạt 475 tỷ đồng (+73% so với dự phóng năm 2025), chủ yếu nhờ (1) doanh số bán hàng và bàn giao tại GSW tăng, và (2) mảng môi giới BĐS tiếp tục phục hồi.
- * Chúng tôi ước tính doanh số bán hàng của DXG sẽ tăng mạnh, đạt 10,4 nghìn tỷ/19,8 nghìn tỷ đồng trong năm 2025/26, từ mức thấp trong giai đoạn 2023–2024. Dự báo doanh số bán hàng tích cực này được hỗ trợ bởi việc tái khởi động dự án The Privé vào giữa năm 2025 và dự án GSW vào năm 2026.
- * Chúng tôi chưa đưa kế hoạch phát hành riêng lẻ đã được thông qua tại ĐHCĐ tháng 5/2025 của DXG (93,5 triệu cổ phiếu, tương đương 9,18% lượng cổ phiếu hiệu hữu) vào mô hình định giá của chúng tôi.
- * Rủi ro: Mở bán các dự án mới chậm hơn dự kiến; rủi ro pha loãng từ kế hoạch huy động vốn.

DXS: Giao dịch môi giới bất động sản cải thiện, biên lợi nhuận hồi phục thúc đẩy tăng trưởng - Cập nhật

Ngành	BĐS		2024	2025F	2026F	2027F
Ngày báo cáo	29/08/2025	TT Doanh thu	23,2%	37,5%	16,3%	15,2%
Giá hiện tại	12.750 VND	TT EPS	N.M.	224,3%	21,2%	32,7%
Giá mục tiêu	14.100 VND	LNST-CĐTTS (tỷ đồng)	141	456	553	734
Giá mục tiêu gần nhất	9.200 VND	Biên LN gộp	48,3%	50,3%	51,7%	54,3%
TL tăng	+10,6%	Biên LN ròng	5,8%	13,6%	14,2%	16,3%
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/E	58,3x	18,0x	14,8x	11,2x
Tổng mức sinh lời	+10,6%	P/B	1,2x	1,1x	1,1x	1,0x
GT vốn hóa	7,4 nghìn tỷ đồng			DXS	Peers	VNI
Room KN	2,2 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		22,9x	27,9x	15,5x
GTGD/ngày (30n)	78 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,2x	1,6x	2,1x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE		3,9%	7,0%	13,3%
SL cổ phiếu lưu hành	579,1 tr	ROA		2,1%	3,1%	2,0%
Pha loãng	579,1 tr					

- * Chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN cho CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (DXS) và điều chỉnh tăng 53% giá mục tiêu lên 14.100 đồng/CP.
- * Việc nâng giá mục tiêu phản ánh (1) mức tăng 26% trong dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS giai đoạn 2025-27, và (2) hệ số P/E mục tiêu và P/E thoái vốn được nâng lên 19,3x/8,0x so với 15,8x/6,0x trước đây.
- * Chúng tôi điều chỉnh tăng lần lượt +54%/+21%/+16% đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2025/26/27, chủ yếu do dự phóng doanh số bán BĐS cao hơn và chi phí SG&A/doanh thu và lợi ích CĐTTS/LNST giảm, sau khi DXS công bố KQKD trong nửa đầu năm 2025 tốt hơn kỳ vọng.
- * Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2025 sẽ tăng 224% YoY, đạt 456 tỷ đồng, trong khi LNST sau lợi ích CĐTTS nửa cuối năm 2025 có thể sẽ hạ nhiệt so với nửa đầu năm do lượng bàn giao BĐS giảm và không còn thu nhập bất thường khác, dù lợi nhuận gộp từ mảng môi giới dự kiến khả quan hơn.

* Trong năm 2026, chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS sẽ tiếp tục tăng 21% so với năm 2025, được hỗ trợ bởi doanh thu môi giới BĐS cao hơn và biên lợi nhuận tiếp tục cải thiện nhờ tỷ trọng đóng góp từ dịch vụ môi giới toàn diện tăng.

* Dựa trên dự báo của chúng tôi, DXS hiện đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2025/26 là 18,0x/14,8x so với P/E trung vị 12 tháng gần nhất của các công ty cùng ngành là 19,3x. Chúng tôi cho rằng mức định giá này là hấp dẫn, xét đến lợi thế cạnh tranh trong nước và triển vọng lợi nhuận mạnh mẽ của DXS.

* Rủi ro: Hoạt động bán BĐS phục hồi chậm hơn kỳ vọng.

VIC, VHM, VRE: Kế hoạch mở bán các dự án BĐS mới, hoạt động bàn giao xe điện tích cực; Chủ tịch HĐQT duy trì các khoản hỗ trợ tài chính; nghiên cứu thêm các mảng kinh doanh mới - Cập nhật

*** Tóm tắt 6T 2025**

- VHM ghi nhận mức tăng trưởng doanh số bán hàng YoY mạnh mẽ trong giai đoạn nửa đầu năm 2025 (6T 2025), với 3 dự án mới mở bán, trong khi LNST sau lợi ích CĐTS được hỗ trợ bởi việc bàn giao theo tiến độ. VRE ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận YoY của mảng cho thuê bán lẻ. Lợi nhuận của VIC được thúc đẩy bởi doanh thu mảng BĐS (bao gồm giao dịch chuyển nhượng Global Gate), mảng khách sạn nghỉ dưỡng ghi nhận mức lợi nhuận từ HĐKD dương trong quý 2/2025, và các khoản tài trợ từ Chủ tịch HĐQT, bù đắp cho khoản lỗ từ HĐKD của mảng công nghiệp. Vui lòng tham khảo thêm các Báo cáo KQKD của [VIC](#), [VHM](#) và [VRE](#).

*** Các thay đổi chính trong dự báo**

- Chúng tôi nâng dự báo tổng doanh số bán giai đoạn 2025–27 của VHM lên thêm 17%, đến từ dự báo doanh số bán hàng nhanh hơn của dự án Golden City và Green Paradise, cũng như dự báo về việc dự án Làng Vân sẽ được mở bán sớm hơn vào nửa cuối năm 2025 (so với dự báo trước đây là năm 2028). Chúng tôi lần lượt điều chỉnh tăng +10%/+18%/+27% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS các năm 2025/26/27 của VHM do dự báo rằng công ty sẽ ghi nhận mức doanh thu cao hơn từ doanh số bán mới và thu nhập tài chính. Đối với VRE, chúng tôi nâng dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2025 lên thêm 5% do mức tăng dự kiến của thu nhập tài chính, trong khi dự báo các năm 2026/27 nhìn chung không thay đổi. Đối với VIC, chúng tôi lần lượt điều chỉnh tăng +8%/+25%/+118% đối với dự báo LNTT các năm 2025/26/27, nhờ mức tăng trưởng mạnh dự kiến của doanh số bán BĐS (Green Paradise, Golden City, Làng Vân).

*** Định giá và khuyến nghị**

- Chúng tôi duy trì khuyến nghị PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG cho VIC và VHM, trong khi hạ khuyến nghị của VRE từ KHẢ QUAN xuống PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG. Chúng tôi lần lượt điều chỉnh tăng 42%, +46% và +7% đối với giá mục tiêu của VIC, VHM và VRE. Mức tăng đối với giá mục tiêu của VRE và VHM phản ánh tiềm năng của VRE trong việc mở rộng danh mục phát triển của mảng kinh doanh bán BĐS, và đưa dự án Cam Lâm (10.360 ha, Khánh Hòa) của VHM vào định giá; trong khi đó, mức tăng đối với giá mục tiêu của VIC chủ yếu đến từ (1) mức tăng đối với định giá của mảng kinh doanh BĐS và (2) mức giảm của nợ vay ròng trung bình tại cuối năm 2025–26 nhờ việc Chủ tịch HĐQT dự kiến sẽ hỗ trợ thêm vốn cho VinFast.

TDC: Lợi nhuận trên đà phục hồi - Cập nhật

Ngành	BDS, VLXD, xây dựng		2022	2023	2024	2025F
Ngày báo cáo	29/8/2025	Tăng trưởng DT	50,3%	-87,9%	289,3%	51,6%
Giá hiện tại	12.800 VND	Tăng trưởng EPS*	-93,2%	N.M.	N.M.	1,7%
Lợi suất cổ tức	0%	Biên LN gộp	16,4%	34,4%	51,6%	20,8%
		Biên LN ròng	0,5%	-133,9%	35,4%	30,3%
		EV/EBITDA	7,7x	N.M.	6,7x	11,9x
		ROE	1,1%	-41,6%	42,7%	31,3%
		P/E**	31,6x	N.M.	3,1x	3,0x
GT vốn hóa	1,6 nghìn tỷ đồng			TDC	Peers	VNI
Room KN	791,1 tỷ đồng	P/E (trượt)***		3,1x	28,2x	15,5x
GTGD/ngày (30n)	28,6 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,1x	1,9x	2,1x
Cổ phần Nhà nước	48%	ROE (trượt)		36,4%	3,9%	13,3%
SL cổ phiếu lưu hành	127,2 triệu	ROA (trượt)		10,3%	1,8%	2,0%
*điều chỉnh cho quỹ khen thưởng & phúc lợi, **sử dụng giá CP hiện tại, ***chưa điều chỉnh cho quỹ khen thưởng & phúc lợi						

* Sau mức thua lỗ kỷ lục của 2023, KQKD năm 2024 phục hồi mạnh mẽ với doanh thu/ LSNT sau lợi ích CĐTS đạt 1,2 nghìn tỷ/415 tỷ đồng.

* Năm 2025, TDC định hướng chọn xây dựng làm lĩnh vực trọng tâm trong bối cảnh thị trường bất động sản đang trên đà hồi phục. Chúng tôi dự báo doanh thu xây dựng tăng trưởng 111 lần svck, chiếm 57% doanh thu gộp và đóng góp chủ yếu bởi dự án khu tái định cư Hòa Lợi.

* Dự án nhà phố thương mại Uni Complex (104 căn) sẽ đóng góp chính cho mảng BDS. Dự án nằm ở trung tâm thành phố mới Bình Dương và hưởng lợi từ quy hoạch tuyến Metro Bến Thành-Suối Tiên mở rộng. Chúng tôi dự báo TDC sẽ bàn giao 61 căn của dự án trong 2025.

* Chúng tôi cũng kỳ vọng lợi nhuận tài chính từ chuyển nhượng lô E15 dự án căn hộ TDC Hòa Lợi và việc tất toán trái phiếu cũng sẽ tích cực hỗ trợ lợi nhuận công ty trong năm 2025. Hiện chúng tôi dự báo LNST của TDC đạt 540 tỷ đồng (+29% svck) trong năm 2025.

* TDC hiện đang giao dịch ở mức giá hấp dẫn so với trung vị P/E, P/B của các công ty cùng ngành. Theo dự báo của chúng tôi, P/E (sau khen thưởng và phúc lợi) và P/B dự phóng năm 2025 của TDC có thể đạt lần lượt 3,0 và 0,7 lần

* **Yếu tố hỗ trợ:** Khả năng chuyển nhượng dự án TDC Plaza. **Rủi ro đầu tư:** (1) Giá vật liệu xây dựng biến động bất lợi, (2) Rủi ro dòng tiền và áp lực nợ vay, (3) Thị trường BDS phục hồi chậm hơn dự kiến.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.264	2,6	46.550	67.000	44%	10,7%	55%	MUA	06/03/25	12,9	12,7	15,9	2,8
FRT	Bán lẻ	17%	844	4,5	130.600	193.800	48%	0,0%	48%	MUA	26/05/25	30,5	19,8	15,4	7,8
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	80%	484	4,5	56.900	81.700	44%	3,5%	47%	MUA	17/02/25	8,5	6,3	15,9	1,4
PTB	Công nghiệp	12%	129	0,5	50.900	71.000	39%	4,7%	44%	MUA	14/03/25	7,8	6,9	16,2	1,2
NLG	Bất động sản	3%	630	8,2	43.150	58.600	36%	1,2%	37%	MUA	14/08/25	24,9	23,8	23,7	1,7
PLX	Xăng dầu	4%	1.740	5,0	36.100	47.800	32%	3,3%	36%	MUA	04/08/25	20,5	12,4	24,0	1,8
IDC	KCN	32%	630	7,8	43.800	56.100	28%	4,6%	33%	MUA	15/08/25	10,6	8,6	23,7	2,9
DGC	Công nghiệp	35%	1.414	13,3	98.200	126.000	28%	3,1%	31%	MUA	25/07/25	11,8	9,8	15,8	2,5
HPG	VLXD	29%	8.005	90,7	27.500	35.300	28%	2,9%	31%	MUA	14/08/25	13,1	9,8	16,2	1,7
CTR	CNTT	43%	387	2,7	89.200	114.300	28%	2,2%	30%	KQ	30/06/25	23,1	19,2	17,8	5,1
DHC	Công nghiệp	14%	114	0,6	31.100	39.100	26%	3,5%	29%	MUA	21/08/25	9,3	8,4	16,2	1,5
ACG	Gỗ	12%	210	0,0	36.800	45.800	24%	4,6%	29%	MUA	15/07/25	10,2	9,2	16,2	1,3
KDH	Bất động sản	17%	1.553	10,5	36.500	47.100	29%	0,0%	29%	MUA	22/08/25	42,9	36,1	23,7	2,3
SIP	KCN	45%	541	2,0	58.900	73.900	25%	3,4%	29%	MUA	18/06/25	12,7	12,0	23,7	3,0
GAS	Dầu khí	47%	5.839	3,6	63.800	78.400	23%	3,9%	27%	KQ	13/08/25	12,5	11,7	12,5	2,3
TV2	Điện & Nước	6%	91	1,3	35.500	43.900	24%	2,8%	26%	KQ	25/07/25	48,6	16,3	13,7	1,9
PNJ	Bán lẻ	0%	1.097	3,5	85.600	105.900	24%	2,3%	26%	MUA	14/08/25	14,5	13,2	10,8	2,4
TLG	Văn phòng phẩm	86%	172	0,5	52.400	61.300	17%	7,2%	24%	MUA	20/05/25	9,6	8,4	10,8	1,8
PHR	Công nghiệp	35%	285	1,9	55.500	67.400	21%	2,4%	24%	KQ	25/06/25	15,3	10,3	15,8	2,0
SZC	KCN	18%	240	4,2	35.200	42.400	20%	2,8%	23%	KQ	01/07/25	21,8	18,0	23,7	2,0
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.780	14,2	60.300	70.300	17%	6,6%	23%	MUA	24/04/25	15,1	14,4	15,9	4,0
PVS	Dầu khí	38%	615	12,8	33.900	41.600	23%	0,0%	23%	MUA	08/08/25	19,5	15,9	24,0	1,2
MSN	Bán lẻ	75%	4.552	41,0	83.000	101.200	22%	0,0%	22%	MUA	21/05/25	44,1	28,3	13,7	3,7
ACV	Hàng không	46%	8.300	3,1	61.100	74.300	22%	0,0%	22%	KQ	13/08/25	18,6	16,3	13,7	3,4
FPT	CNTT	11%	6.564	47,9	101.600	121.200	19%	2,0%	21%	KQ	14/08/25	18,9	16,3	17,2	5,2

BMI	Bảo hiểm	20%	111	0,6	22.100	26.200	19%	2,3%	21%	MUA	12/04/24	9,0	7,7	17,6	1,0
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	40%	660	0,4	47.600	53.400	12%	8,4%	21%	KQ	30/08/24	6,9	6,8	15,9	1,7
AST	DV Hàng không	4%	119	0,1	70.000	80.600	15%	5,0%	20%	MUA	26/08/25	14,5	12,2	15,4	5,5
QTP	Điện & Nước	48%	228	0,3	13.500	15.000	11%	8,9%	20%	MUA	02/06/25	10,4	9,6	12,5	1,1
VEA	Ô-tô	48%	1.975	1,0	39.300	42.200	7%	12,3%	20%	PHTT	20/09/24	7,5	6,9	13,7	1,8
HVN	Hàng không	21%	3.662	1,9	31.000	37.100	20%	0,0%	20%	KQ	22/07/25	8,0	11,1	17,3	-25,7
PPC	Điện & Nước	44%	133	0,5	10.900	12.400	14%	5,5%	19%	PHTT	02/06/25	15,0	6,6	12,5	0,8
PVD	Dầu khí	45%	449	9,1	21.300	24.900	17%	2,3%	19%	KQ	11/08/25	16,6	12,5	24,0	0,7
SCS	DV Hàng không	16%	222	1,3	61.700	67.000	9%	9,7%	18%	KQ	29/05/25	8,5	8,3	17,3	4,3
PVT	Dầu khí	41%	320	4,2	17.950	21.200	18%	0,0%	18%	KQ	13/08/25	8,6	7,1	13,7	1,0
CTG	Ngân hàng	3%	10.448	28,4	51.300	60.000	17%	0,0%	17%	MUA	18/08/25	10,4	8,7	13,8	1,7
PC1	Điện & Nước	35%	363	11,1	26.750	31.100	16%	0,0%	16%	KQ	05/08/25	18,6	11,0	17,8	1,7
ACB	Ngân hàng	0%	5.416	26,0	27.800	31.200	12%	3,6%	16%	MUA	18/08/25	8,0	6,6	13,8	1,6
DPG	Điện & Nước	46%	168	6,6	44.050	50.000	14%	2,3%	16%	KQ	07/07/25	13,5	6,2	17,8	2,2
BWE	Điện & Nước	40%	394	0,5	47.200	53.100	13%	2,8%	15%	KQ	11/08/25	15,5	11,0	12,5	1,9
DGW	Bán lẻ	25%	349	6,2	42.000	47.400	13%	1,2%	14%	PHTT	23/07/25	17,2	13,0	15,4	3,0
DXG	Bất động sản	23%	881	24,5	22.800	26.000	14%	0,0%	14%	KQ	29/08/25	89,8	56,7	23,7	1,9
VCB	Ngân hàng	8%	21.739	27,4	68.600	77.600	13%	0,0%	13%	MUA	25/08/25	17,1	14,4	13,8	2,7
BMP	VLXD	15%	447	0,9	144.000	149.000	3%	9,4%	13%	KQ	28/05/25	10,3	10,7	17,8	4,2
REE	Điện & Nước	0%	1.339	2,9	65.200	72.200	11%	1,5%	12%	PHTT	15/08/25	13,8	11,6	13,7	1,8
STB	Ngân hàng	10%	3.975	34,3	55.600	62.400	12%	0,0%	12%	KQ	25/08/25	8,3	4,4	13,8	1,8
NT2	Điện & Nước	38%	243	1,8	22.300	23.500	5%	6,7%	12%	MUA	18/07/25	13,6	8,3	12,5	1,5
OIL	Dầu khí	3%	478	2,0	12.100	13.300	10%	0,8%	11%	KQ	21/07/25	263,0	26,2	24,0	1,2
VGC	KCN	43%	1.037	6,9	61.000	65.300	7%	3,6%	11%	PHTT	19/08/25	19,2	13,9	17,8	3,0
PLC	Dầu khí	48%	84	1,1	27.300	29.050	6%	3,7%	10%	MUA	11/04/25	19,5	8,8	15,8	1,7
MBB	Ngân hàng	0%	8.478	54,7	27.750	30.000	8%	1,1%	9%	KQ	25/08/25	8,6	7,1	13,8	1,8
DXS	Bất động sản	29%	284	2,9	12.950	14.100	9%	0,0%	9%	KQ	29/08/25	18,3	15,1	23,7	1,2
GVR	Công nghiệp	12%	4.407	7,6	29.050	31.200	7%	1,4%	9%	PHTT	04/07/25	27,1	24,4	15,8	2,1
DCM	Phân bón	42%	795	11,7	39.600	40.700	3%	5,1%	8%	MUA	10/07/25	13,2	10,3	15,8	2,0

VPB	Ngân hàng	5%	10.532	76,6	35.000	37.000	6%	1,4%	7%	PHTT	21/08/25	14,6	11,3	13,8	1,9
TCB	Ngân hàng	0%	10.643	55,8	39.600	40.800	3%	2,5%	6%	KQ	11/08/25	11,1	9,2	13,8	1,8
KBC	KCN	35%	1.416	16,1	39.650	41.500	5%	0,0%	5%	MUA	11/08/25	21,0	13,0	23,7	1,6
BID	Ngân hàng	13%	11.411	19,6	42.850	44.800	5%	0,0%	5%	MUA	26/05/25	13,0	12,1	13,8	1,9
VRE	Bất động sản	31%	2.620	7,9	30.400	31.300	3%	0,0%	3%	PHTT	29/08/25	16,1	13,8	23,7	1,6
TDM	Điện & Nước	48%	247	0,2	58.600	58.600	0%	2,4%	2%	PHTT	11/08/25	32,2	23,1	12,5	2,6
MWG	Bán lẻ	1%	4.374	35,0	78.000	78.300	0%	1,3%	2%	MUA	30/05/25	20,8	16,0	15,4	3,9
HDG	Điện & Nước	31%	447	9,7	31.850	32.300	1%	0,0%	1%	MUA	08/08/25	20,7	10,3	23,7	1,9
STK	Dệt may	82%	93	0,1	25.500	25.500	0%	0,0%	0%	KQ	17/01/25	30,6	17,2	15,8	1,4
VIC	Bất động sản	44%	18.749	40,4	128.300	127.900	0%	0,0%	0%	PHTT	29/08/25	36,9	44,8	23,7	3,4
SSI	Chứng khoán	60%	3.156	89,4	42.200	40.800	-3%	2,4%	-1%	KQ	27/08/25	22,0	16,9	25,0	2,9
GMD	GTVT	8%	1.101	10,6	69.100	65.700	-5%	3,2%	-2%	KQ	31/07/25	20,9	21,4	13,7	2,4
BVH	Bảo hiểm	22%	1.658	2,5	58.900	56.900	-3%	1,5%	-2%	KQ	26/05/25	16,6	14,0	17,6	1,8
GEX	Điện & Nước	43%	1.865	35,0	54.500	52.300	-4%	0,9%	-3%	PHTT	21/08/25	32,4	28,3	13,7	3,4
VHM	Bất động sản	40%	16.279	22,0	104.500	98.700	-6%	0,0%	-6%	PHTT	29/08/25	13,4	13,7	23,7	2,0
DPM	Phân bón	43%	689	7,8	26.700	23.900	-10%	4,3%	-6%	KQ	10/07/25	24,1	16,7	15,8	1,6
VIB	Ngân hàng	0%	2.918	22,0	22.600	20.800	-8%	0,0%	-8%	KQ	23/05/25	8,7	7,6	13,8	1,8
POW	Điện & Nước	46%	1.461	11,3	16.450	14.800	-10%	0,0%	-10%	KQ	02/06/25	30,8	20,6	12,5	1,2
HDC	Bất động sản	43%	241	11,3	35.600	30.400	-15%	0,0%	-15%	KQ	21/03/25	37,0	21,4	23,7	2,7
NKG	VLXD	44%	269	12,6	15.850	13.100	-17%	0,0%	-17%	PHTT	18/04/25	16,6	12,3	16,2	0,9
HDB	Ngân hàng	0%	4.434	33,9	33.450	27.000	-19%	0,0%	-19%	MUA	22/05/25	7,5	6,5	13,8	1,9
TPB	Ngân hàng	5%	2.094	41,4	20.900	16.500	-21%	0,0%	-21%	MUA	27/05/25	8,4	7,6	13,8	1,4
VJC	Hàng không	22%	3.242	16,9	144.500	114.000	-21%	0,0%	-21%	KQ	15/03/24	20,9	16,2	17,3	3,6
HSG	VLXD	39%	432	9,4	18.350	13.500	-26%	2,7%	-24%	PHTT	18/04/25	23,0	19,4	16,2	1,0
BSR	Lọc hóa dầu	48%	3.116	19,1	26.500	20.100	-24%	0,0%	-24%	BÁN	28/08/25	27,7	20,9	24,0	1,5
VTP	GTVT	44%	457	3,7	99.000	69.000	-30%	1,5%	-29%	PHTT	06/09/24	34,1	29,1	13,7	7,2
LPB	Ngân hàng	4%	5.098	8,3	45.000	29.800	-34%	0,0%	-34%	BÁN	18/08/25	13,2	13,0	13,8	3,3

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT: PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKO: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	33	93.134	2.822	12	15,3	13,4	11,2	15,3	2,2	24,7	15,9	12,4	2,3	3,0%
KHẢ QUAN	32	70.309	2.197	10	13,9	12,7	10,5	13,7	2,3	26,9	27,9	14,9	1,4	2,1%
PHÙ HỢP TT	14	58.069	4.148	4	20,3	18,3	17,2	15,1	2,3	22,9	21,6	18,4	2,5	2,5%
KÉM KHẢ QUAN	0	0	N/A	0	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
BÁN	2	8.214	4.107	0	22,0	16,5	15,2	11,5	2,2	72,2	20,5	17,0	2,4	0,0%
TỔNG CỘNG	81	229.727	2.836	26	16,0	14,2	12,1	14,6	2,2	26,5	21,7	14,5	2,0	2,5%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	97.185	8.099	11	13,0	11,4	9,4	11,9	2,0	12,3	10,7	9,0	2,0	0,7%
Bảo hiểm	2	1.769	885	1	19,8	15,8	13,3	15,4	1,8	17,0	12,8	10,9	1,4	1,9%
Chứng khoán	1	3.156	3.156	1	33,8	22,0	16,9	21,3	2,9	33,8	22,0	16,9	2,9	2,4%
Tiêu dùng	13	28.500	2.192	5	18,8	16,5	14,2	19,6	3,4	23,7	17,7	13,9	3,4	4,4%
Bất động sản	8	41.237	5.155	2	22,5	20,8	21,6	15,3	2,4	48,0	34,9	28,2	2,1	0,1%
Vật liệu	4	9.154	2.288	1	17,7	13,3	10,2	16,4	1,7	16,2	15,7	13,1	2,0	3,8%
Điện & Nước	12	6.979	582	1	24,5	20,6	14,5	21,0	1,8	31,0	22,1	13,6	1,8	2,8%
Dầu khí	10	14.123	1.412	2	20,0	16,5	13,4	18,2	1,7	35,6	42,5	14,2	1,5	2,3%
Công nghiệp	5	1.961	392	0	13,5	11,3	9,6	14,4	2,0	20,6	13,9	10,3	1,6	3,2%
Khu công nghiệp	7	8.557	1.222	1	24,4	20,6	16,3	22,7	2,1	28,2	18,2	14,3	2,4	2,6%
GTVT & Logistics	7	17.104	2.443	1	12,9	14,8	15,0	16,2	4,5	20,4	17,9	16,4	0,1	2,8%
TỔNG CỘNG	81	229.727	2.836	26	16,0	14,2	12,1	14,6	2,2	26,5	21,7	14,5	2,0	2,5%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

Cập nhật KQKD Q2 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T/2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	2%	8%	MUA	MUA	Định giá hấp dẫn; sẵn sàng cho đà phục hồi NIM
BID	3%	3%	MUA		Lợi nhuận đạt kỳ vọng nhưng chất lượng tài sản chưa được cải thiện.
CTG	46%	18%	MUA	MUA	Tăng trưởng lợi nhuận đột biến vượt kỳ vọng nhờ chi phí tín dụng giảm mạnh.
HDB	25%	22%	MUA		NIM cải thiện, thu nhập ngoài lãi mạnh mẽ hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận
LPB	4%	10%	KKQ	BÁN	KQKD 6T25 đạt kỳ vọng của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản ổn định, và NIM Q2 phục hồi tích cực từ nền thấp trong Q1.
MBB	22%	13%	MUA	KQ	Lợi thế cạnh tranh vững chắc thúc đẩy triển vọng tăng trưởng
STB	35%	27%	MUA		Lợi nhuận quý 2 tăng trưởng mạnh, phù hợp với kỳ vọng; hiệu quả hoạt động tiếp tục cải thiện
TCB	-2%	17%	MUA	KQ	KQKD 6T25 đạt kỳ vọng của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản ổn định, và NIM Q2 phục hồi tích cực từ nền thấp trong Q1.
TPB	11%	9%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ nhờ cả khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
VCB	5%	9%	MUA		KQKD phù hợp với kỳ vọng; tăng trưởng tín dụng tăng tốc trong Q2.
VIB	8%	9%	KQ		KQKD phù hợp với dự phóng của chúng tôi; mảng khách hàng doanh nghiệp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong 6T 2025
VPB	24%	21%	MUA	MUA	Định giá phản ánh triển vọng tăng trưởng khả quan hơn nhờ chính sách thuế quan rõ ràng hơn
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	-4%	50%	MUA		Thu nhập cổ tức thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ so với quý trước
BVH	36%	23%	KQ		Tăng trưởng phí bảo hiểm nhân thọ tiếp tục phục hồi; chi phí dự phòng kỹ thuật thấp hơn giúp cải thiện biên lợi nhuận HDKD bảo hiểm
SSI	12%	13%	MUA		Thị phần môi giới quý 2/2025 đạt mức cao nhất trong 3 năm
Tiêu dùng					
CTR	11%	9%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 11% YoY nhờ đà tăng trưởng ổn định của mảng hạ tầng cho thuê
DGW	22%	23%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS trong nửa đầu năm 2025 tăng 22% YoY, phù hợp với dự báo của chúng tôi
FPT	19%	16%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS trong nửa đầu năm 2025 tăng 20% YoY dù tăng trưởng doanh thu mảng CNTT nước ngoài giảm tốc, chỉ đạt 14% YoY
FRT	337%	133%	MUA		Biên lợi nhuận của Long Châu cải thiện, nhưng lợi nhuận của FPT Shop thấp hơn kỳ vọng
MSN (2)	135%	122%	MUA		MCH tạm chững lại trong quý 2/2025 ; cộng hưởng tiêu dùng - bán lẻ giúp cải tiến phân phối và sản phẩm

MWG	54%	35%	MUA		Mảng điện máy gia tăng thị phần nhờ dịch vụ gia tăng; BHX giảm tốc mở rộng trong tháng 6 để chuẩn bị tối ưu hóa
PNJ	-4%	-5%	MUA	MUA	LNST nửa đầu năm 2025 giảm 4% YoY dù doanh thu bán lẻ tăng 6% YoY, phù hợp với kỳ vọng
QNS	-23%	0%	KQ		Mảng sữa đậu nành tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng; mảng đường yếu nhưng có cải thiện
SAB	-11%	9%	MUA		Biên lợi nhuận gộp mảng bia cải thiện một phần bù đắp sản lượng bia giảm
TLG	-9%	9%	MUA		Xuất khẩu phục hồi mạnh so với quý trước; biên lợi nhuận gộp trong nước đạt kỷ lục
VEA	5%	11%	PHTT		Lợi nhuận nửa đầu năm tăng 5% YoY nhờ đà tăng trong doanh số của Toyota và Ford
VHC	0%	21%	MUA		
VNM	-17%	6%	MUA		Doanh thu trong nước phục hồi sau tái cơ cấu kênh phân phối; tung nhiều sản phẩm mới
GTVT & Logistics					
ACV	-7%	-14%	MUA	KQ	Doanh thu tăng trưởng khả quan, nhưng lỗ tỷ giá ảnh hưởng lợi nhuận
AST	73%	51%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 92% YoY, vượt dự báo
GMD (2)	41%	-3%	KQ		LNST của Gemalink thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng, nhưng hiệu quả chi phí SG&A hỗ trợ cho lợi nhuận quý 2; lợi nhuận nửa đầu năm phù hợp với dự phóng
HVN	20%	13%	PHTT		Biên lợi nhuận gộp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng; hoạt động tái cấp vốn giúp củng cố bảng cân đối kế toán
SCS	7%	-1%	KQ		Tăng trưởng lợi nhuận đi ngang so với cùng kỳ trong quý 2 do hết ưu đãi thuế; phù hợp với kỳ vọng
VJC	56%	6%	KQ		Doanh thu duy trì ổn định với biên lợi nhuận cải thiện
VTP	16%	15%	PHTT		Mảng chuyển phát dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận 16% YoY trong nửa đầu năm 2025
Bất động sản					
DXG	107%	-13%	KQ	KQ	Lợi nhuận 6 tháng đầu năm phù hợp kỳ vọng
DXS	3.7x	224%	KQ	KQ	Mảng môi giới phục hồi mạnh mẽ, ghi nhận doanh thu từ bàn giao bất động sản cao hơn và biên lợi nhuận cải thiện thúc đẩy lợi nhuận 6 tháng đầu năm
HDC	-2%	145%	KQ		Ghi nhận chuyển nhượng một phần tại dự án Đại Dương thúc đẩy lợi nhuận quý 2, bù đắp hoạt động bàn giao BĐS kém khả quan
KDH	-6%	17%	MUA	MUA	Quỹ đất chiến lược tại trung tâm TP. HCM thúc đẩy tăng trưởng dài hạn
NLG	218%	35%	MUA	MUA	Thị trường phục hồi, quỹ đất sẵn sàng dự kiến thúc đẩy triển vọng doanh số bán hàng
VHM	-8%	7%	PHTT		Lợi nhuận quý 2 tăng QoQ nhờ lượng bàn giao cao hơn và thu nhập tài chính khác; dự án Wonder City và Royal Island thúc đẩy tăng trưởng doanh số bán hàng nửa đầu năm
VIC	45%	9%	PHTT		Tiếp tục ghi nhận các khoản tài trợ từ Chủ tịch HĐQT; mảng khách sạn nghỉ dưỡng ghi nhận lợi nhuận từ HĐKD dương trong quý 2
VRE	15%	5%	KQ		Mảng cho thuê bán lẻ ghi nhận tăng trưởng YoY ổn định; thu nhập tài chính và thu nhập khác thúc đẩy tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm
Khu công nghiệp					

GVR	100%	8%	PHTT		KQKD khả quan của mảng cao su & thu nhập ròng khác từ thanh lý cây dẫn dắt đà tăng trưởng của lợi nhuận trong nửa đầu năm 2025
IDC	-43%	-21%	MUA	MUA	Triển vọng doanh số cho thuê đất KCN khả quan; quỹ đất lớn tạo động lực tăng trưởng
KBC	663%	280%	MUA	MUA	Hoạt động mở bán các dự án mới dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh
PHR	35%	19%	KQ		Giá bán cao su duy trì khả quan thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn nửa đầu năm 2025
SIP	21%	4%	MUA		Mảng dịch vụ tiện ích KCN đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận; dòng tiền mảng KCN tăng mạnh trong quý 2
SZC	32%	4%	KQ		Bàn giao đất KCN dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận 6 tháng đầu năm; phù hợp với kỳ vọng
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG	-22%	-5%	MUA		Lợi nhuận quý 2 thấp hơn một chút kỳ vọng do nhu cầu trong nước còn thấp, áp lực biên lợi nhuận xuất khẩu và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) tăng cao
BMP	31%	17%	KQ		Chi phí đầu vào thấp thúc đẩy biên lợi nhuận, lợi nhuận quý 2 đạt mức cao kỷ lục; vượt nhẹ so với dự báo
DGC	10%	14%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 10% YoY trong 6T 2025, phù hợp kỳ vọng
DHC	37%	34%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng mạnh 37% YoY nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng
DRC	23%	35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2025 tăng 27% QoQ và 28% YoY; phù hợp với kỳ vọng
HPG	-19%	-2%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 cải thiện QoQ từ mức lỗ trong quý 1, nhưng vẫn giảm YoY
HSG (1)	-68%	-26%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 giảm mạnh 50% QoQ và 93% YoY; thấp hơn kỳ vọng
NKG	16%	27%	MUA		LNTT tăng 15% YoY, mảng gỗ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính
PTB	N.M.	386%	KQ		Sản lượng bán hàng thấp hơn kỳ vọng; lỗ tỷ giá ăn mòn biên lợi nhuận gộp đang phục hồi
STK	-22%	-5%	MUA		Lợi nhuận quý 2 thấp hơn một chút kỳ vọng do nhu cầu trong nước còn thấp, áp lực biên lợi nhuận xuất khẩu và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) tăng cao
Điện & Nước					
BWE (2)	27%	14%	PHTT	KQ	LNST quý 2 tăng gấp đôi YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
GEX	-6%	-6%	KQ	PHTT	Lợi nhuận thuần cốt lõi tăng trưởng mạnh từ GEE, VGC, VCW thúc đẩy LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 2 của GEX tăng mạnh 3.1 lần YoY
HDG	-54%	68%	MUA	MUA	Chi phí sử dụng đất bổ sung và lỗ tỷ giá gây ảnh hưởng đến LNST quý 2, tuy nhiên công ty ghi nhận nhiều diễn biến tích cực tại dự án Infra 1
NT2	N.M.	492%	KQ	MUA	Mức tăng cao vượt kỳ vọng của sản lượng điện hợp đồng là động lực chính thúc đẩy LNST tăng gấp 2.7 lần YoY; triển vọng tăng trưởng lớn
PC1	-19%	19%	MUA	KQ	Biên lợi nhuận gộp mảng xây lắp điện phục hồi, phù hợp với dự báo
POW	52%	19%	KQ		Mức tăng mạnh của tỷ lệ Qc cam kết bù đắp cho khoản lỗ tỷ giá, thúc đẩy đà tăng trưởng của LNST quý 2
PPC	-77%	-43%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm 2025 giảm 77% YoY do sản lượng thấp, phù hợp với kỳ vọng

QTP	-7%	-5%	MUA		LNTT 6T 2025 cao hơn một chút so với kỳ vọng với mức tăng 5%, được hỗ trợ bởi chi phí đầu vào và chi phí bảo trì thấp hơn
REE	48%	29%	MUA	PHTT	Sản lượng thủy điện cao thúc đẩy LNST tăng mạnh YoY trong quý 2
TDM (2)	-26%	-57%	PHTT	PHTT	Thu nhập cổ tức thúc đẩy lợi nhuận 6T 2025; M&A Biwase Long An
TV2	-42%	60%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 giảm mạnh 43% YoY, KQKD thấp hơn so với dự báo
DPG	28%	35%	KQ		Mảng năng lượng & xây dựng ghi nhận đà tăng trưởng mạnh, cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
VGC	109%	35%	KQ	PHTT	Doanh thu cho thuê đất KCN tăng mạnh vượt kỳ vọng giữa bối cảnh thuế quan bất lợi, biên lợi nhuận gộp cao thúc đẩy LNST quý 2 tăng 2.8 lần YoY
Dầu khí					
BSR	-35%	370%	KQ	BÁN	Lợi nhuận cốt lõi quý 2 tăng gấp đôi sau đợt bảo dưỡng tổng thể, nhưng lợi nhuận giai đoạn nửa đầu năm vẫn khá thấp
DCM (2)	31%	21%	MUA	MUA	LNST cốt lõi quý 2 gần như tăng gấp đôi YoY nhờ ASP urê tăng mạnh và sản lượng NPK tăng mạnh
DPM	23%	69%	KQ	KQ	Giá bán trung bình của urê tăng mạnh thúc đẩy LNST tăng mạnh, tiềm năng tăng dự báo rõ rệt
GAS	29%	17%	MUA	KQ	Hoàn nhập dự phòng hỗ trợ tăng trưởng LNST mặc dù sản lượng bán/giá FO giảm; tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ dự báo
OIL (2)	-34%	-8%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng gấp đôi YoY nhờ sản lượng tăng, vượt dự báo
PLX (2)	-37%	-6%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 đạt mức cao nhất trong 3 năm qua nhờ mức tăng trưởng của thị phần bất chấp giá dầu biến động; tiềm năng tăng dự báo rõ ràng
PLC	311%	162%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2025 tăng gấp 4 lần nhờ mảng nhựa đường phục hồi trong xu hướng tăng đầu tư công
PVD (2)	-16%	4%	KQ	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng 71% YoY nhờ dịch vụ giếng khoan tăng mạnh, khoản lợi nhuận bất thường; tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ
PVS (2)	50%	21%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng mạnh 85% YoY nhờ biên lợi nhuận mảng M&C và lãi tỷ giá tăng mạnh, vượt kỳ vọng
PVT (2)	-12%	3%	KQ	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm giảm 2% YoY dù doanh thu tăng mạnh, phù hợp kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng EPS quý 2/năm tài chính 2025 so với quý 2/năm tài chính 2024. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.682,2	1,4
VN 30	1.865,4	4,2
VN Mid	2.574,3	5,4
VNSmall	1.615,6	9,0

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	280,0	3,4
HNX30	619,7	9,2
VNX Allshare	2.907,2	11,5

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	111,0	0,4

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	1.799,1	4,0%
Khối ngoại mua	3.047,8	6,8%
Khối ngoại bán	6.671,7	14,8%
Tổng giao dịch	45.095,7	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	37,1	1,2%
Khối ngoại mua	174,6	5,4%
Khối ngoại bán	113,6	3,5%
Tổng giao dịch	3.219,9	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	92,5	8,4%
Khối ngoại mua	27,0	2,4%
Khối ngoại bán	27,8	2,5%
Tổng giao dịch	1.106,7	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DSE	2.200	7,0%
JVC	360	7,0%
AGR	1.250	6,9%
BCG	250	6,9%
VND	1.700	6,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PSI	900	9,8%
SHS	1.900	7,0%
EVS	500	5,9%
DNP	900	4,6%
IVS	500	4,5%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
ABW	988	8,0%
ECO	2.035	5,8%
BCR	73	3,8%
BGE	222	3,6%
BMS	543	3,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VSC	-1.150	-3,7%
LIX	-1.150	-3,2%
ANV	-850	-3,0%
FPT	-2.900	-2,8%
VGC	-1.700	-2,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
NAG	-500	-3,6%
HGM	-8.000	-2,7%
KSV	-3.600	-2,3%
L14	-900	-2,2%
VC2	-200	-2,2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
AAS	-2.656	-11,0%
ACV	-1.007	-1,6%
DDV	-385	-1,2%
DRI	-141	-1,2%
FOX	-622	-0,9%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VIX	2.503
HPG	2.397
SSI	2.329
VPB	2.311
SHB	2.309

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	1.290
CEO	397
MBS	366
PVS	163
VFS	151

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
BVB	129
MSR	89
MCH	88
SBS	75
ABB	67

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PLP	568.398	79.522
FUEDCMID	380.744	53.833
RYG	1.152.005	163.912
JVC	1.955.554	546.847
DHC	1.347.167	520.044
CHP	202.898	79.183
TCI	2.266.016	930.228
DHM	284.921	123.707
APG	2.750.683	1.200.098
AGR	6.486.434	2.888.182

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
SRA	763.222	90.999
SDA	510.821	72.751
PSI	3.295.022	773.946
HBS	460.079	142.715
IVS	2.941.227	936.299
FID	525.814	189.595
L40	374.248	161.683
EVS	2.542.352	1.110.364
VIG	2.207.855	1.071.532
VFS	7.265.525	3.536.801

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
CVN	813.404	68.941
BCR	5.696.949	1.027.015
DCS	539.781	98.963
BOT	1.596.509	360.532
AVG	613.902	144.870
DIC	203.437	50.454
BGE	2.376.259	599.417
DVG	216.218	54.959
ABI	293.500	78.638
ABW	1.522.524	796.575

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.876,9		28,3	2,8	9,5
SSI	3.157,0	60,2	26,8	2,9	11,4
VIX	2.190,4	86,9	27,1	3,3	12,4
VND	1.521,8	82,5	26,5	2,0	7,6
VCI	1.322,8	71,8	35,2	2,8	7,8
HCM	1.192,3	10,5	26,0	3,1	8,5

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	557,4		17,4	1,6	10,1
BVH	1.658,8	21,8	17,8	1,8	10,6
PVI	591,9	42,4	16,3	1,8	11,9
BIC	236,3	6,6	27,6	2,1	7,6
VNR	159,8	22,8	13,3	1,1	8,2
MIG	140,4	83,7	11,9	1,4	12,5

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.254,6		25,0	4,0	19,2
ACV	8.303,2	46,1	22,2	3,4	16,2
MVN	2.517,9	0,0	43,1	5,0	12,1
VEA	1.975,2	47,6	6,9	1,8	26,6
GEX	1.865,9	42,8	31,4	3,4	11,1
GEE	1.610,7	49,8	21,5	6,2	29,8

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.588,6		20,5	4,2	24,3
MCH	5.246,2	34,3	14,5	8,2	50,1
VNM	4.781,3	51,3	14,7	4,0	26,6
MSN	4.553,1	74,8	44,6	3,7	9,2
SAB	2.265,1	41,4	14,6	2,8	17,5
PNJ	1.097,4	0,0	14,0	2,4	18,2

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.279,9		-311,0	1,3	5,0
BSR	3.117,2	48,4	-1.647,4	1,5	-0,1
PLX	1.740,2	3,7	22,6	1,8	7,9
PVS	614,7	37,8	12,8	1,2	9,3
OIL	478,0	2,9	41,9	1,2	2,9
PVD	449,2	45,3	14,9	0,7	5,0

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.038,3		18,4	2,0	12,9
GAS	5.840,6	47,2	12,8	2,3	19,4
POW	1.461,6	46,0	26,4	1,2	4,5
REE	1.339,9	0,0	14,8	1,8	12,6
PGV	884,4	50,0	22,2	1,5	7,2
DNH	665,1	0,0	16,0	3,4	20,8

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	8.369,0		27,3	2,5	11,5
VIC	18.754,9	44,2	35,8	3,4	9,9
VHM	16.284,4	39,9	14,9	2,0	14,8
BCM	2.630,9	31,9	19,2	3,3	18,2
VRE	2.620,8	31,4	15,7	1,6	10,4
KDH	1.554,0	17,5	51,0	2,3	4,6

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	12.958,9		13,3	2,0	16,3
VCB	21.746,7	8,2	16,5	2,7	17,2
BID	11.414,6	12,6	11,6	1,9	17,6
TCB	10.646,3	0,0	13,1	1,8	14,3
VPB	10.535,2	4,9	16,0	1,9	12,2
CTG	10.451,5	3,3	9,2	1,7	20,0

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.516,3		34,0	-1,2	-11,1
VPL	5.456,5	48,9	54,5	4,6	0,0
MWG	4.375,1	0,9	23,6	3,9	17,0
HAV	3.662,9	21,1	8,3	-25,7	-107,2
VJC	3.243,3	22,0	42,2	3,6	9,9
FRT	843,8	17,4	41,3	7,8	24,9

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.588,6		20,5	4,2	24,3
HPG	5.246,2	28,6	14,5	8,2	50,1
GVR	4.781,3	12,5	14,7	4,0	26,6
DGC	4.553,1	35,5	44,6	3,7	9,2
KSV	2.265,1	0,0	14,6	2,8	17,5
MSR	1.097,4	100,0	14,0	2,4	18,2

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.279,9		-311,0	1,3	5,0
DHG	3.117,2	46,1	-1.647,4	1,5	-0,1
IMP	1.740,2	26,8	22,6	1,8	7,9
DVN	614,7	0,0	12,8	1,2	9,3
DBD	478,0	84,5	41,9	1,2	2,9
DTP	449,2	0,0	14,9	0,7	5,0

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.038,3		18,4	2,0	12,9
FPT	5.840,6	11,5	12,8	2,3	19,4
CMG	1.461,6	11,7	26,4	1,2	4,5
SAM	1.339,9	48,3	14,8	1,8	12,6
SGT	884,4	-5,5	22,2	1,5	7,2
ELC	665,1	46,6	16,0	3,4	20,8

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

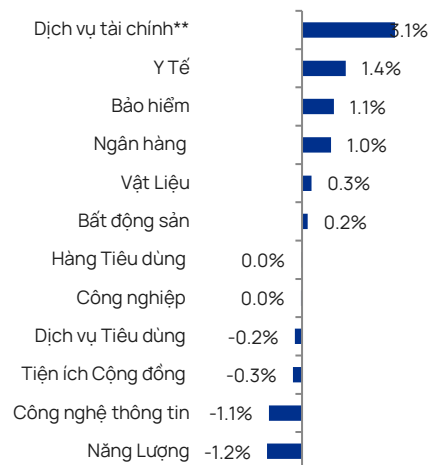
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

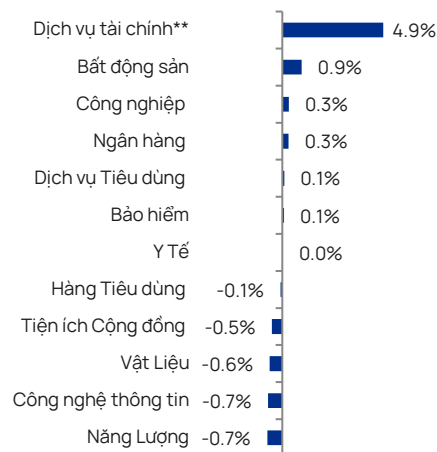
Diễn biến hàng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

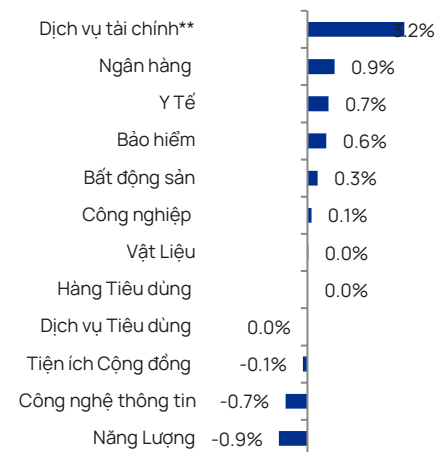


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



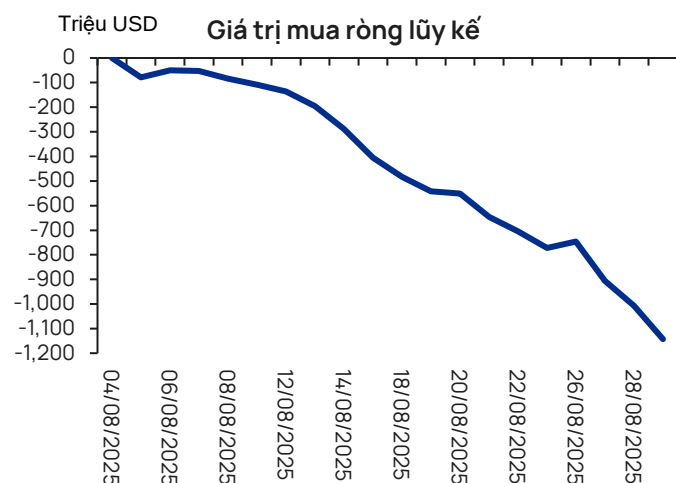
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



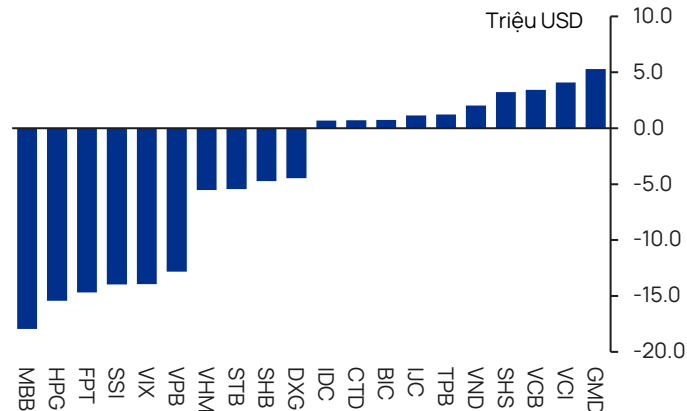
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



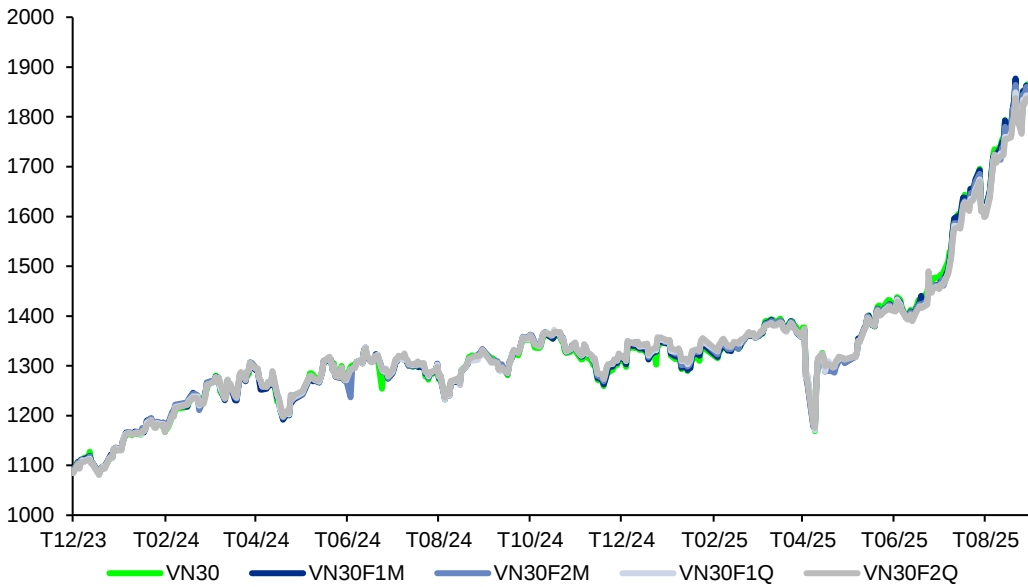
Nguồn: HSX, HNX, Fiiopro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F2509	1.861,0	-1,9	-0,1%	-4,4
4111FA000	1.860,4	0,4	0,0%	-5,0
VN30F2512	1.842,8	0,0	0,0%	-22,6
41IG3000	1.837,4	1,4	0,1%	-28,0

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F2509	48.484	-6,2%	235,94	-38,3%
4111FA000	1.109	3,0%	0,79	-53,3%
VN30F2512	630	1,9%	0,12	-33,3%
41IG3000	195	0,5%	0,06	-50,0%

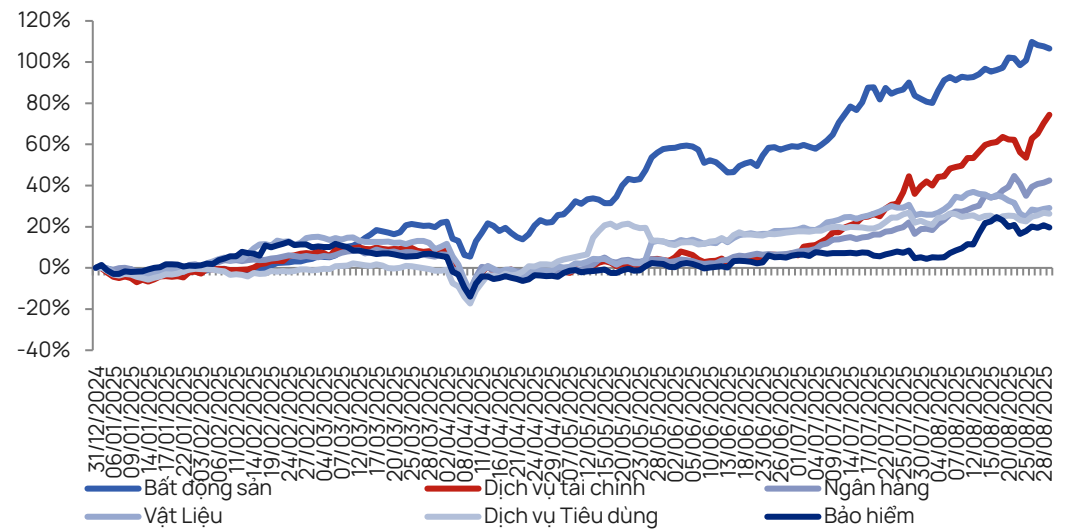


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

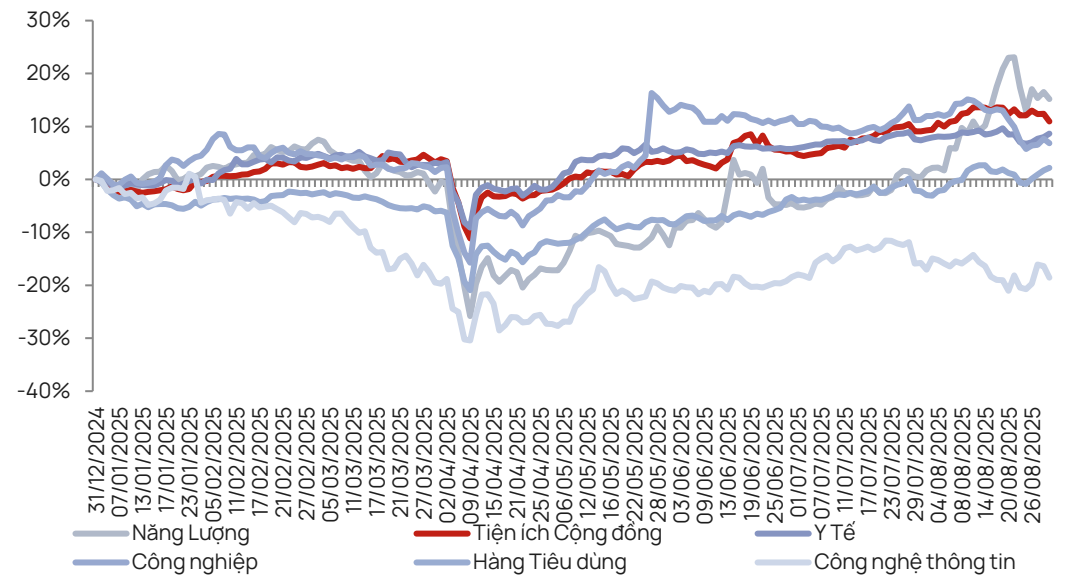
Ghi chú: VN30F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
VN30F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
VN30F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
VN30F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



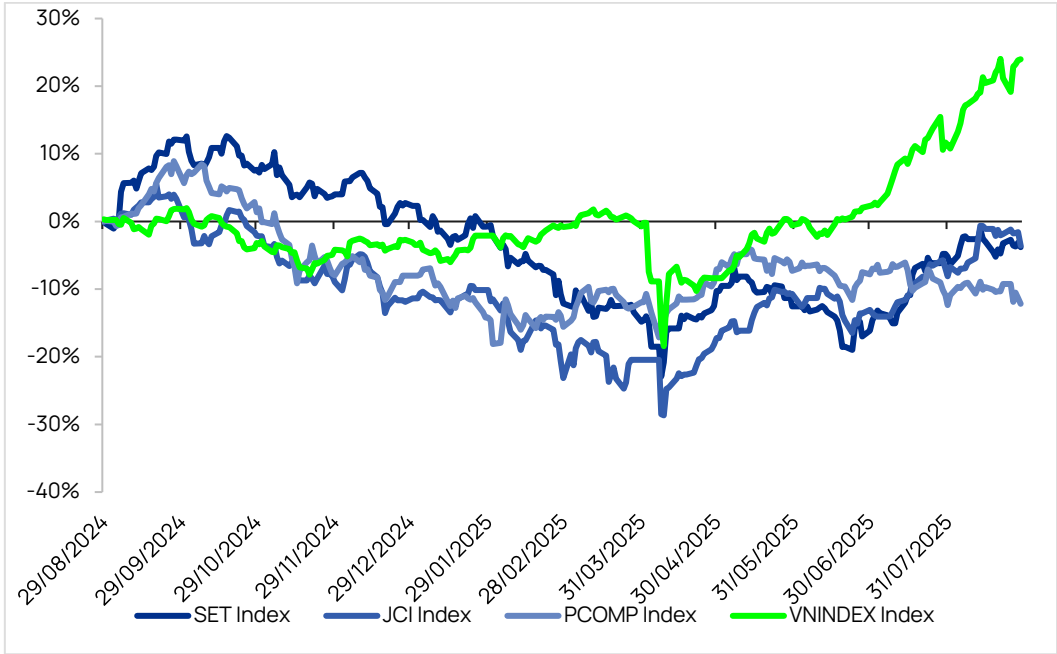
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



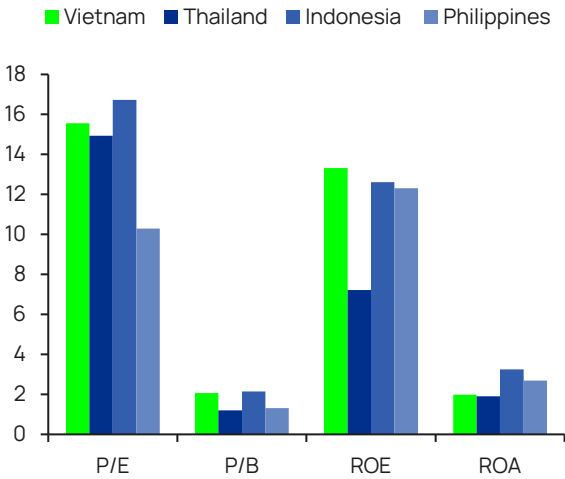
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	14,9	16,7	10,3	15,6
P/B	1,2	2,1	1,3	2,1
ROE (%)	7,2	12,6	12,3	13,3
ROA (%)	1,9	3,2	2,7	2,0
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	484,2	878,9	157,5	274,4
GTGD trung bình, tr USD	1.259,5	712,6	80,4	754,7
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	-2.385,3	-3.004,5	-679,8	-2.653,6
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(260,3)	160,6	(50,1)	(276,9)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,17%	5,74%	5,63%	3,01%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thủy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu

Tuan Nhan

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.